TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: **35/**2020/HNGĐ-ST
Ngày 30-7-2020
Về việc "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Đông;

2. Ông Nguyễn Văn Sở.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh L *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc T; sinh năm 1975, *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).*

2. Bị đơn: Bà Ôn Tuyết M; sinh năm 1976, *(vắng mặt).*

Cùng địa chỉ: số 40/10 Đường N, Phường C, thành phố T, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 09 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Ông Trần Ngọc T trình bày:

Ông và Bà Ôn Tuyết M có tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường C, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh L, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 85/1996, cấp ngày 15 tháng 8 năm 1996. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, nhưng gần đây ông phát hiện bà M có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, nhiều lần ông đã

khuyên can nhưng bà M vẫn không sửa đổi, từ đó vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn về tất cả mọi mặt trong cuộc sống, ông và bà M đã ly thân từ tháng 5 năm 2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà M.

Về con chung: ông và bà M có 01 con chung tên Trần Ngọc T, sinh ngày 16/9/1997 (đã thành niên).

Về tài sản chung và nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Bà Ôn Tuyết M đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà M không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến của bà đối với yêu cầu ly hôn của ông T, không thể hiện ý kiến về nguyện vọng nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con. Phiên tòa hôm nay, bà M cũng vắng mặt dù đã được tống đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Ôn Tuyết M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử đã xét xử vắng mặt đối với bà M là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa Ông Trần Ngọc T và Bà Ôn Tuyết M là quan hệ hôn nhân hợp pháp, do ông T và bà M có mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nhận thấy bà M đã biết được việc ông T nộp đơn xin ly hôn nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến. Cho thấy, bà M không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông T. Xét thấy, hôn nhân giữa ông T và bà M đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, quan hệ hôn nhân không thể kéo dài, từ đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T. Ông T phải chịu án phí sơ thẩm theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Ngọc T nộp đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với Bà Ôn Tuyết M có địa chỉ cư trú tại thành phố T, tỉnh L nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập bà M đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng bà M không

chấp hành nên Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà M là đúng theo quy định tại Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc T và Bà Ôn Tuyết M tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh L vào năm 1996 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tòa án cũng đã có xác minh về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng của ông T và bà M tại UBND Phường C, thành phố T, tỉnh L nơi ông T sinh sống theo quy định tại Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng địa phương không nắm rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa Ông Trần Ngọc T và Bà Ôn Tuyết M. Theo lời trình bày của ông T thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về tình cảm và nhiều mặt khác trong cuộc sống. Ông T nhận thấy không có khả năng kéo dài cuộc sống hôn nhân với bà M được nữa. Hiện tại ông và bà M đã ly thân với nhau từ tháng 5 năm 2020 đến nay. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa ông T và bà M không có tiếng nói chung, không có sự thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Bà M được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, được tống đạt hợp lệ, các văn bản tố tụng của Tòa án cho thấy bà M đã biết được việc ông T yêu cầu ly hôn với bà nhưng bà không có văn bản thể hiện ý kiến là muốn được đoàn tụ hoặc đưa ra những biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, chứng tỏ rằng trong cuộc sống vợ chồng giữa ông T và bà M đã có những mâu thuẫn không giải quyết được. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân của ông T và bà M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đồng thời, bản thân ông T xác định đã không còn tình cảm với bà M nên yêu cầu được chấm dứt hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của ông T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: ông T và bà M có 01 con chung tên Trần Ngọc T, sinh ngày 16/9/1997 (đã thành niên) nên Hội đồng xét xử không xem xét về việc nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ.

[4] Về án phí: Ông Trần Ngọc T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Ông Trần Ngọc T và Bà Ôn Tuyết M.

2. Về án phí*:* Ông Trần Ngọc T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm khi ly hôn. Khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0004440 ngày 19/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh L.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND TPTA;
- Chi cục THADS TPTA;
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tố Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Luông – Võ Thị Thu Nga **Lê Thị Tố Loan**